

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2022

DỰ KIẾN THỜI KHÓA BIỂU

Kỳ 2 năm học 2022-2023 Hệ Chính quy

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	ST số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
1		1060046	Bố cục chất liệu Sơn mài 1	FAE2009	2	45											4* FAE2009		
1.1	11	1060046	FAE2009-2022.11			15	Vũ Thị Kim Vân	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					09/01/2023	19/03/2023			2020
2.2	12	1060046	FAE2009-2022.12			15	Chu Hoàng Trung	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					09/01/2023	19/03/2023			2020
3.3	13	1060046	FAE2009-2022.13			15	Tạ Đình Thi	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					09/01/2023	19/03/2023			2020
2		1080030	Các tộc người ở Việt Nam	CLM2031	2	45											6_QLVH_M4		
4.1	01	1080030	CLM2031-2022.01			45	Bùi Hồng Hạnh		10-12, E501						09/01/2023	14/05/2023			2020
3		1200022	Chế tác phụ trang	DGI2022	2	20													
5.1	01	1200022	DGI2022-2022.01			20	Lê Thị Lan			1-5, E					09/01/2023	16/04/2023			2020
4		1070107	Chỉ huy hợp xướng	*MUS2075	2												2017		
6.1	01	1070107	*MUS2075-2022.01			0	Phạm Hoàng Trung	7-9, D2							09/01/2023	07/05/2023			2020
7.2	02	1070107	*MUS2075-2022.02			0	Phạm Hoàng Trung	10-12, D2							09/01/2023	07/05/2023			2020
8.3	03	1070107	*MUS2075-2022.03			0	Lê Vinh Hưng		10-12, D2						09/01/2023	07/05/2023			2020
9.4	04	1070107	*MUS2075-2022.04			0	Phạm Hoàng Trung			7-9, D3					09/01/2023	07/05/2023			2020
10.5	05	1070107	*MUS2075-2022.05			0	Phạm Hoàng Trung			10-12, D2					09/01/2023	07/05/2023			2020
11.6	06	1070107	*MUS2075-2022.06			0	Vũ Thị Thùy Linh				7-9, D2				09/01/2023	07/05/2023			2020
12.7	07	1070107	*MUS2075-2022.07			0	Vũ Thị Thùy Linh					1-3, D2			09/01/2023	07/05/2023			2020
13.8	08	1070107	*MUS2075-2022.08			0	Vũ Thị Thùy Linh					4-6, D2			09/01/2023	07/05/2023			2020
14.9	09	1070107	*MUS2075-2022.09			0	La Bảo Hồng						1-3, D2		09/01/2023	07/05/2023			2020
5		1070110	Chuyển soạn cho Hợp xướng	MUS2074	2	225											2018		
15.1	01	1070110	MUS2074-2022.01			25	Phạm Xuân Danh	7-11, D304							09/01/2023	07/05/2023			2020
16.2	02	1070110	MUS2074-2022.02			25	Phạm Hoàng Trung		1-5, DNN						09/01/2023	07/05/2023			2020
17.3	03	1070110	MUS2074-2022.03			25	Phạm Xuân Danh		7-11, D304						09/01/2023	07/05/2023			2020
18.4	04	1070110	MUS2074-2022.04			25	Phạm Xuân Danh			1-5, D3					09/01/2023	07/05/2023			2020
19.5	05	1070110	MUS2074-2022.05			25	Phạm Xuân Danh			7-11, D304					09/01/2023	07/05/2023			2020
20.6	06	1070110	MUS2074-2022.06			25	Phạm Hoàng Trung	1-5, D2							09/01/2023	07/05/2023			2020
21.7	07	1070110	MUS2074-2022.07			25	Lê Vinh Hưng				7-11, DNN				09/01/2023	07/05/2023			2020
22.8	08	1070110	MUS2074-2022.08			25	Phạm Xuân Danh					1-5, D304			09/01/2023	07/05/2023			2020
23.9	09	1070110	MUS2074-2022.09			25	Phạm Hoàng Trung					7-11, D304			09/01/2023	07/05/2023			2020
6		1020024	Cơ sở thiết kế trang phục	FAD2015	2	42													
24.1	01	1020024	FAD2015-2022.01			14	Lưu Ngọc Lan				1-5, E				09/01/2023	02/04/2023			2020
25.2	02	1020024	FAD2015-2022.02			14	Đỗ Thu Huyền				1-5, E				09/01/2023	02/04/2023			2020
26.3	03	1020024	FAD2015-2022.03			14	Nguyễn Kiều Oanh				1-5, E				09/01/2023	02/04/2023			2020
7		1080247	Công tác xã hội với người cao tuổi	CLM2226	2	30											CTXH		
27.1	01	1080247	CLM2226-2022.01			30	Lê Quang Vinh	1-3, E501							09/01/2023	14/05/2023			2020
8		1080255	Công tác xã hội với người khuyết tật	CLM2234	3	30											CTXH		
28.1	01	1080255	CLM2234-2022.01			30	Lương Thị Đào			4-6, E502					09/01/2023	07/05/2023			2020
9		1080246	Công tác xã hội với trẻ em	CLM2225	2	30											CTXH		
29.1	01	1080246	CLM2225-2022.01			30	Nguyễn Quốc Vượng						1-3, E502		09/01/2023	02/04/2023			2020
10		1190014	Đệm thanh nhạc 3.2	PIA2009	1														
30.1	03	1190014	PIA2009-2022.03			0	Lương Đức Giang						1-5, D		09/01/2023	30/04/2023			2020
31.2	04	1190014	PIA2009-2022.04			0	Lại Thị Phương Thảo				1-5, D				09/01/2023	30/04/2023			2020
32.3	05	1190014	PIA2009-2022.05			0	Lê Hải Thuận				7-11, D				09/01/2023	30/04/2023			2020

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
33.4	06	1190014	PIA2009-2022.06			0	Trần Quốc Thùy				10-12, D				09/01/2023	30/04/2023			2020
34.5	07	1190014	PIA2009-2022.07			0	Bùi Duy Anh	7-11, D							09/01/2023	30/04/2023			2020
35.6	08	1190014	PIA2009-2022.08			0	Bùi Duy Anh		1-5, D						09/01/2023	30/04/2023			2020
11		1200034	Đồ án thiết kế	DGI2034	3	20													
36.1	01	1200034	DGI2034-2022.01			20	Trần Việt Hùng				1-5, E				09/01/2023	16/04/2023			2020
12		1020001	Đồ họa thời trang 3	FAD2033	3	42													
37.1	01	1020001	FAD2033-2022.01			14	Hoàng Thắng					7-11, E			09/01/2023	09/04/2023			2020
38.2	02	1020001	FAD2033-2022.02			14	Nguyễn Hoàng Tùng					7-11, E			09/01/2023	09/04/2023			2020
39.3	03	1020001	FAD2033-2022.03			14	Nguyễn Hải Hà					7-11, E			09/01/2023	09/04/2023			2020
13		1060036	Hình họa 6	FAE2002	2	45											6* FAE2002		
40.1	01	1060036	FAE2002-2022.01			15	Lê Thị Kim Liên	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					09/01/2023	19/03/2023			2020
41.2	02	1060036	FAE2002-2022.02			15	Lê Thị Kim Liên	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					09/01/2023	19/03/2023			2020
42.3	03	1060036	FAE2002-2022.03			15	Nguyễn Văn Cường	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					09/01/2023	19/03/2023			2020
14		1020002	Hình họa chuyên ngành 2	FAD2021	2	42													
43.1	01	1020002	FAD2021-2022.01			14	Vũ Thanh Nghị	7-11, BC	7-11, BC						09/01/2023	12/03/2023			2020
44.2	02	1020002	FAD2021-2022.02			14	Trương Tuấn Anh	7-11, BC	7-11, BC						09/01/2023	12/03/2023			2020
45.3	03	1020002	FAD2021-2022.03			14	Nguyễn Hải Hà	7-11, BC	7-11, BC						09/01/2023	12/03/2023			2020
15		1170014	Hình họa chuyên ngành 2	GRD2009	4	176											6_TKDH_M3		
46.1	01	1170014	GRD2009-2022.01			22	Nguyễn Xuân Tám	7-11, A	7-11, A	7-11, A					09/01/2023	14/05/2023			2020
47.2	02	1170014	GRD2009-2022.02			22	Nguyễn Hữu Dũng	7-11, A	7-11, A	7-11, A					09/01/2023	14/05/2023			2020
48.3	03	1170014	GRD2009-2022.03			22	Nguyễn Hồng Sơn	7-11, A	7-11, A	7-11, A					09/01/2023	14/05/2023			2020
49.4	04	1170014	GRD2009-2022.04			22	Vũ Xuân Hiền	7-11, A	7-11, A	7-11, A					09/01/2023	14/05/2023			2020
50.5	05	1170014	GRD2009-2022.05			22	Ng.Duy Quốc Tuấn				7-11, A	7-11, A	7-11, A		09/01/2023	14/05/2023			2020
51.6	06	1170014	GRD2009-2022.06			22	Nguyễn Hữu Dũng				7-11, A	7-11, A	7-11, A		09/01/2023	14/05/2023			2020
52.7	07	1170014	GRD2009-2022.07			22	Nguyễn Hồng Sơn				7-11, A	7-11, A	7-11, A		09/01/2023	14/05/2023			2020
53.8	08	1170014	GRD2009-2022.08			22	Vũ Xuân Hiền				7-11, A	7-11, A	7-11, A		09/01/2023	14/05/2023			2020
16		1190022	Hòa tấu 3.2	PIA2013	1														
54.1	05	1190022	PIA2013-2022.05			0	Trần Hà Mi					7-11, D			09/01/2023	30/04/2023			2020
55.2	06	1190022	PIA2013-2022.06			0	Nguyễn Nguyệt Cẩm					7-11, D			09/01/2023	30/04/2023			2020
56.3	07	1190022	PIA2013-2022.07			0	Lê Nam					1-5, D			09/01/2023	30/04/2023			2020
57.4	08	1190022	PIA2013-2022.08			0	Hà Cẩm Vân					7-11, D			09/01/2023	30/04/2023			2020
58.5	09	1190022	PIA2013-2022.09			0	Đoàn Lê Phan Anh					1-5, D			09/01/2023	30/04/2023			2020
59.6	10	1190022	PIA2013-2022.10			0	Nguyễn Thị Hiền Anh	1-5, D							09/01/2023	30/04/2023			2020
60.7	11	1190022	PIA2013-2022.11			0	Đoàn Lê Phan Anh					1-5, D			09/01/2023	30/04/2023			2020
61.8	12	1190022	PIA2013-2022.12			0	Đinh Công Hải	7-11, D							09/01/2023	30/04/2023			2020
62.9	13	1190022	PIA2013-2022.13			0	Bùi Đăng Khánh				7-11, D				09/01/2023	30/04/2023			2020
63.10	14	1190022	PIA2013-2022.14			0	Hồ Thị Ngọc Hà			7-11, D					09/01/2023	30/04/2023			2020
17		1080039	Huy động tài trợ	CLM2040	2	45											6_QLVH_M4_TC		
64.1	01	1080039	CLM2040-2022.01			45	Ng.Thị Thanh Mai			7-9, E501					09/01/2023	14/05/2023			2020
18		1060056	In độc bản	FAE2017	2	45											1*FAE2017		
65.1	11	1060056	FAE2017-2022.11			15	Lê Thị Kim Liên	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					17/04/2023	11/06/2023			2020
66.2	12	1060056	FAE2017-2022.12			15	Nguyễn Thị May	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					17/04/2023	11/06/2023			2020
67.3	13	1060056	FAE2017-2022.13			15	Hoàng Đức Dũng	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					17/04/2023	11/06/2023			2020
19		1070101	Keyboard/Guitar 3	*MUS2087	1												2019		
68.1	01	1070101	*MUS2087-2022.01			0	Nguyễn Thị Thu Hương	7-11, D102							09/01/2023	07/05/2023			2020
69.2	02	1070101	*MUS2087-2022.02			0	Vũ Thanh Xuân				7-11, D103				09/01/2023	07/05/2023			2020
70.3	03	1070101	*MUS2087-2022.03			0	Lương Diệu Ánh	7-11, D108							09/01/2023	07/05/2023			2020
71.4	04	1070101	*MUS2087-2022.04			0	Trần Bích Thủy	7-11, C210							09/01/2023	07/05/2023			2020

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
72.5	05	1070101	*MUS2087-2022.05			0	Mai Trần Hoàn					1-5, D101			09/01/2023	07/05/2023			2020
73.6	06	1070101	*MUS2087-2022.06			0	Vũ Ngọc Sơn				7-11, D102				09/01/2023	07/05/2023			2020
74.7	07	1070101	*MUS2087-2022.07			0	Lương Đức Giang			1-5, C310					09/01/2023	07/05/2023			2020
75.8	08	1070101	*MUS2087-2022.08			0	Trần Hoàng Tiến	7-11, C310							09/01/2023	07/05/2023			2020
76.9	09	1070101	*MUS2087-2022.09			0	Đặng Thái Sơn			1-5, D102					09/01/2023	07/05/2023			2020
77.10	10	1070101	*MUS2087-2022.10			0	Cù Minh Giang					1-5, C208			09/01/2023	07/05/2023			2020
78.11	11	1070101	*MUS2087-2022.11			0	Cù Minh Giang			1-5, D101					09/01/2023	07/05/2023			2020
79.12	12	1070101	*MUS2087-2022.12			0	Trần Quốc Thủy				7-11, C210				09/01/2023	07/05/2023			2020
80.13	13	1070101	*MUS2087-2022.13			0	Đào Văn Thực				7-11, D101				09/01/2023	07/05/2023			2020
81.14	14	1070101	*MUS2087-2022.14			0	Hà Tân Mùi					1-5, D102			09/01/2023	07/05/2023			2020
82.15	15	1070101	*MUS2087-2022.15			0	Ngô Thị Việt Anh			1-5, D108					09/01/2023	07/05/2023			2020
83.16	16	1070101	*MUS2087-2022.16			0	Bá Sản	7-11, D101							09/01/2023	07/05/2023			2020
84.17	17	1070101	*MUS2087-2022.17			0	Trần Hoài Sơn					1-5, D103			09/01/2023	07/05/2023			2020
85.18	18	1070101	*MUS2087-2022.18			0	Đoàn Anh Vũ					1-5, D107			09/01/2023	07/05/2023			2020
86.19	19	1070101	*MUS2087-2022.19			0	Hoàng Thị Trà Mi				7-11, D108				09/01/2023	07/05/2023			2020
87.20	20	1070101	*MUS2087-2022.20			0	Dương Vũ Bình Minh					1-5, C210			09/01/2023	07/05/2023			2020
88.21	21	1070101	*MUS2087-2022.21			0	Đào văn Kiên	7-11, D107							09/01/2023	07/05/2023			2020
89.22	22	1070101	*MUS2087-2022.22			0	Hoàng Thị Trà Mi			1-5, D107					09/01/2023	07/05/2023			2020
90.23	23	1070101	*MUS2087-2022.23			0	Mai Trần Hoàn				7-11, D101				09/01/2023	07/05/2023			2020
91.24	24	1070101	*MUS2087-2022.24			0	Vũ Thanh Xuân			1-5, C210					09/01/2023	07/05/2023			2020
92.25	25	1070101	*MUS2087-2022.25			0	Nguyễn Nguyệt Cầm			1-5, D103					09/01/2023	07/05/2023			2020
93.26	26	1070101	*MUS2087-2022.26			0	Nguyễn Quang Tùng			1-5, C208					09/01/2023	07/05/2023			2020
20		1080100	Kỹ thuật biểu diễn kịch - điện ảnh 5	CLM2066	3	30													
94.1	01	1080100	CLM2066-2022.01			30	Kiều Minh Hiếu					1-5, NA401	1-5, NA401		09/01/2023	14/05/2023			2020
21		1200037	Kỹ thuật dựng rạp 3D trên manocanh	DGI2037	3	20													
95.1	07	1200037	DGI2037-2022.07			20	Lưu Ngọc Lan		1-5, E						09/01/2023	16/04/2023			2020
22		1170012	Lịch sử Mỹ thuật ứng dụng	GRD2007	2	180											6_TKDH_M3		
96.1	01	1170012	GRD2007-2022.01			60	Quách Thị Ngọc An			1-5, E603					09/01/2023	02/04/2023			2020
97.2	02	1170012	GRD2007-2022.02			60	Quách Thị Ngọc An			7-11, E603					09/01/2023	02/04/2023			2020
98.3	03	1170012	GRD2007-2022.03			60	Quách Thị Ngọc An				7-11, E603				09/01/2023	02/04/2023			2020
23		1190033	Lịch sử nghệ thuật Piano	PIA2001	2	30													
99.1	01	1190033	PIA2001-2022.01			30	Trần Vương Thanh		1-3, D4						09/01/2023	07/05/2023			2020
24		1060024	Lịch sử nghệ thuật tạo hình Thế giới và Việt nam	FAE2067	2	30											5_SPMT_M3_TC		
100.1	01	1060024	FAE2067-2022.01			30	Nguyễn Minh Tân		7-11, E505						09/01/2023	16/04/2023			2020
25		1060025	Lý luận và phê bình Mỹ thuật	FAE2086	2	45											2019		
101.1	01	1060025	FAE2086-2022.01			45	Đào Thị Thuý Anh					7-11, C21			09/01/2023	16/04/2023			2020
26		1020003	Marketing thời trang	FAD2013	2	50													
102.1	01	1020003	FAD2013-2022.01			50	Lê Phương Anh		1-5, E						09/01/2023	02/04/2023			2020
27		1060057	Mỹ thuật đương đại	FAE2057	2	10											_SPMT_M4_TC		
103.1	01	1060057	FAE2057-2022.01			10	Nguyễn Minh Tân				7-11, BC				09/01/2023	16/04/2023			2020
28		1060100	Mỹ thuật Sân khấu biểu diễn	FAE2090	2	45											2019		
104.1	01	1060100	FAE2090-2022.01			15	Nguyễn Thị Trang Ngà				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		09/01/2023	19/03/2023			2020
105.2	02	1060100	FAE2090-2022.02			15	Nguyễn Tuấn Cường				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		09/01/2023	19/03/2023			2020
106.3	03	1060100	FAE2090-2022.03			15	Chu Thị Hương Thu				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		09/01/2023	19/03/2023			2020
29		1080124	Phân tích tác phẩm văn học (Kịch - điện ảnh)	CLM2085	3	30													
107.1	01	1080124	CLM2085-2022.01			30	Bùi Thị Phương Thảo		1-3, E502						06/02/2023	14/05/2023			2020
30		1130007	Pháp luật đại cương	POL2007	2	550											1* Chung DH&CD		
108.1	05	1130007	POL2007-2022.05			55	Nguyễn Thị Thanh Thủy	4-6, E507							09/01/2023	02/04/2023			2020

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	St số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
109.2	06	1130007	POL2007-2022.06			55	Nguyễn Thị Thanh Thùy		1-3, E301						09/01/2023	02/04/2023			2020
110.3	07	1130007	POL2007-2022.07			55	Nguyễn Thị Thanh Thùy			4-6, E403					09/01/2023	02/04/2023			2020
111.4	08	1130007	POL2007-2022.08			55	Nguyễn Thị Thanh Thùy					1-3, E507			09/01/2023	02/04/2023			2020
112.5	09	1130007	POL2007-2022.09			55	Phạm Thị Thu Hà	10-12, E306							09/01/2023	02/04/2023			2020
113.6	10	1130007	POL2007-2022.10			55	Phạm Thị Thu Hà		10-12, E405						09/01/2023	02/04/2023			2020
114.7	11	1130007	POL2007-2022.11			55	Lê Thị Nguyên				7-9, E507				09/01/2023	02/04/2023			2020
115.8	12	1130007	POL2007-2022.12			55	Lê Thị Nguyên					7-9, E101			09/01/2023	02/04/2023			2020
116.9	13	1130007	POL2007-2022.13			55	Lê Thị Nguyên					10-12, E101			09/01/2023	02/04/2023			2020
117.10	14	1130007	POL2007-2022.14			55	Lê Thị Nguyên						10-12, E503		09/01/2023	02/04/2023			2020
31		1080043	Phát triển văn hóa cộng đồng	CLM2044	2	45											6_QLVH_M4_TC		
118.1	01	1080043	CLM2044-2022.01			45	Nông Thị Thanh Thuý				1-3, E503				09/01/2023	14/05/2023			2020
32		1140019	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	PPE2008	2	550											1* Dang dung		
119.1	05	1140019	PPE2008-2022.05			55	Đỗ Ánh Tuyết		4-6, E507						30/01/2023	02/04/2023			2020
120.2	06	1140019	PPE2008-2022.06			55	Đỗ Ánh Tuyết		10-12, E301						30/01/2023	02/04/2023			2020
121.3	07	1140019	PPE2008-2022.07			55	Đỗ Ánh Tuyết					4-6, E502			30/01/2023	02/04/2023			2020
122.4	08	1140019	PPE2008-2022.08			55	Đỗ Ánh Tuyết					7-9, E301			30/01/2023	02/04/2023			2020
123.5	09	1140019	PPE2008-2022.09			55	Lương Thị Thanh Hải		7-9, E301						30/01/2023	02/04/2023			2020
124.6	10	1140019	PPE2008-2022.10			55	Nguyễn Quỳnh Trang			7-9, E301					30/01/2023	02/04/2023			2020
125.7	11	1140019	PPE2008-2022.11			55	Lương Thị Thanh Hải				7-9, E301				30/01/2023	02/04/2023			2020
126.8	12	1140019	PPE2008-2022.12			55	Nguyễn Quỳnh Trang	7-9, E101							30/01/2023	02/04/2023			2020
127.9	13	1140019	PPE2008-2022.13			55	Lương Thị Thanh Hải			10-12, E301					30/01/2023	02/04/2023			2020
128.10	14	1140019	PPE2008-2022.14			55	Nguyễn Quỳnh Trang					10-12, E301			30/01/2023	02/04/2023			2020
33		1190006	Piano CN 3.2	PIA2005	2														
129.1	04	1190006	PIA2005-2022.04			0	Đình Công Hải	1-5, D		1-5, D					09/01/2023	30/04/2023			2020
130.2	05	1190006	PIA2005-2022.05			0	Lê Nam		7-11, D			7-11, D			09/01/2023	30/04/2023			2020
131.3	06	1190006	PIA2005-2022.06			0	Nghiêm Thị Hà Ngân	7-11, D		1-5, D					09/01/2023	30/04/2023			2020
132.4	07	1190006	PIA2005-2022.07			0	Phạm Hoàng Lê		1-5, D		1-5, D				09/01/2023	30/04/2023			2020
133.5	08	1190006	PIA2005-2022.08			0	Đoàn Lê Phan Anh		1-5, D		1-5, D				09/01/2023	30/04/2023			2020
134.6	09	1190006	PIA2005-2022.09			0	Nguyễn Thị Hiền Anh			1-5, D		1-5, D			09/01/2023	30/04/2023			2020
135.7	10	1190006	PIA2005-2022.10			0	Nghiêm Thị Hà Ngân	1-5, D		1-5, D					09/01/2023	30/04/2023			2020
136.8	11	1190006	PIA2005-2022.11			0	Bùi Đăng Khánh	7-11, D				7-11, D			09/01/2023	30/04/2023			2020
34		1080041	Quan hệ công chúng	CLM2042	2	45											7_QLVH_M4_TC		
137.1	01	1080041	CLM2042-2022.01			45	Vũ Thị Hạnh Thủy					1-3, E503			09/01/2023	14/05/2023			2020
35		1080238	Quản lý ca	CLM2217	3	30											CTXH		
138.1	01	1080238	CLM2217-2022.01			30	Nguyễn Hương Giang		7-9, E503						09/01/2023	14/05/2023			2020
36		1140021	Quản lý HCNN & Quản lý ngành GD&ĐT	PPE2003	2	110													
139.1	10	1140021	PPE2003-2022.10			55	Nguyễn Thị Thanh Thùy					10-12, E507			09/01/2023	02/04/2023			2020
140.2	11	1140021	PPE2003-2022.11			55	Lê Thị Nguyên			10-12, E405					09/01/2023	02/04/2023			2020
37		1080022	Quản trị dịch vụ văn hóa	CLM2019	2	45											6_QLVH_M4		
141.1	01	1080022	CLM2019-2022.01			45	Đào Thị Thùy Tiên						7-9, E503		09/01/2023	14/05/2023			2020
38		1020005	Sáng tác phụ trang	FAD2038	2	42													
142.1	01	1020005	FAD2038-2022.01			14	Hoàng Thắng					1-5, E			09/01/2023	09/04/2023			2020
143.2	02	1020005	FAD2038-2022.02			14	Bùi Thị Nam					1-5, E			09/01/2023	09/04/2023			2020
144.3	03	1020005	FAD2038-2022.03			14	Nguyễn Hải Hà					1-5, E			09/01/2023	09/04/2023			2020
39		1170051	Sáng tác thiết kế 6	GRD2046	3	180													
145.1	01	1170051	GRD2046-2022.01			15	Nguyễn Thị Hải Yến	1-5, E603	1-5, E603						09/01/2023	14/05/2023			2020
146.2	02	1170051	GRD2046-2022.02			15	Vũ Minh Hoàng	1-5, E603	1-5, E603						09/01/2023	14/05/2023			2020
147.3	03	1170051	GRD2046-2022.03			15	Nguyễn Văn Hiến	1-5, E603	1-5, E603						09/01/2023	14/05/2023			2020

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
148.4	04	1170051	GRD2046-2022.04			15	Nguyễn Quang Huy				1-5, E603	1-5, E603			09/01/2023	14/05/2023			2020
149.5	05	1170051	GRD2046-2022.05			15	Phạm Phương Linh				1-5, E603	1-5, E603			09/01/2023	14/05/2023			2020
150.6	06	1170051	GRD2046-2022.06			15	Ng.Hoài Phương Anh				1-5, E603	1-5, E603			09/01/2023	14/05/2023			2020
151.7	07	1170051	GRD2046-2022.07			15	Vũ Minh Hoàng	1-5, E603	1-5, E603						30/01/2023	14/05/2023			2020
152.8	08	1170051	GRD2046-2022.08			15	Nguyễn Thị Hải Yến	1-5, E603	1-5, E603						30/01/2023	14/05/2023			2020
153.9	09	1170051	GRD2046-2022.09			15	Nguyễn Văn Hiến	1-5, E603	1-5, E603						30/01/2023	14/05/2023			2020
154.10	10	1170051	GRD2046-2022.10			15	Phạm Phương Linh				1-5, E603	1-5, E603			30/01/2023	14/05/2023			2020
155.11	11	1170051	GRD2046-2022.11			15	Nguyễn Đức Lân				1-5, E603	1-5, E603			30/01/2023	14/05/2023			2020
156.12	12	1170051	GRD2046-2022.12			15	Ng.Hoài Phương Anh				1-5, E603	1-5, E603			30/01/2023	14/05/2023			2020
40		1140006	Tâm lý học Nghệ thuật	PPE2004	2	220											2* Tam_ly giao duc		
157.1	01	1140006	PPE2004-2022.01			55	Nguyễn Mai Hương		4-6, E502						30/01/2023	02/04/2023			2020
158.2	02	1140006	PPE2004-2022.02			55	Nguyễn Mai Hương			4-6, E507					30/01/2023	02/04/2023			2020
159.3	03	1140006	PPE2004-2022.03			55	Nguyễn Mai Hương				1-3, E507				30/01/2023	02/04/2023			2020
160.4	04	1140006	PPE2004-2022.04			55	Nguyễn Mai Hương				10-12, E501				30/01/2023	02/04/2023			2020
41		1020014	Tạo mẫu trang phục 5	FAD2028	3	42													
161.1	01	1020014	FAD2028-2022.01			14	Hoàng Thị Oanh	1-5, E							09/01/2023	30/04/2023			2020
162.2	02	1020014	FAD2028-2022.02			14	Ng.Thị Bích Liên	1-5, E							09/01/2023	30/04/2023			2020
163.3	03	1020014	FAD2028-2022.03			14	Lê Nguyễn Kiều Trang	1-5, E							09/01/2023	30/04/2023			2020
42		1100009	Thanh nhạc 3	*VMU2018	1	1											SPAN		
164.1	01	1100009	*VMU2018-2022.01			0	Nguyễn Thúy Hà	7-11, D							09/01/2023	30/04/2023			2020
165.2	02	1100009	*VMU2018-2022.02			0	Hà Thị Lý	7-11, D							09/01/2023	30/04/2023			2020
166.3	03	1100009	*VMU2018-2022.03			0	Phạm Bích Ngọc	7-11, D							09/01/2023	30/04/2023			2020
167.4	04	1100009	*VMU2018-2022.04			0	Vũ Thanh Thủy	7-11, D							09/01/2023	30/04/2023			2020
168.5	05	1100009	*VMU2018-2022.05			0	Nguyễn Phương Thảo	7-11, D							09/01/2023	30/04/2023			2020
169.6	06	1100009	*VMU2018-2022.06			0	Trần Thị Thảo			1-5, D					09/01/2023	30/04/2023			2020
170.7	07	1100009	*VMU2018-2022.07			0	Bùi Thanh Tuyền			1-5, D					09/01/2023	30/04/2023			2020
171.8	08	1100009	*VMU2018-2022.08			0	Nguyễn Chí Công				7-11, D				09/01/2023	30/04/2023			2020
172.9	09	1100009	*VMU2018-2022.09			0	Đàm Minh Hưng				7-11, D				09/01/2023	30/04/2023			2020
173.10	10	1100009	*VMU2018-2022.10			0	Đào Thị Khánh Chi				7-11, D				09/01/2023	30/04/2023			2020
174.11	11	1100009	*VMU2018-2022.11			0	Trần Thị Thảo				7-11, D				09/01/2023	30/04/2023			2020
175.12	12	1100009	*VMU2018-2022.12			0	Nguyễn Thúy Hà			1-5, D					09/01/2023	30/04/2023			2020
176.13	13	1100009	*VMU2018-2022.13			0	Đặng Thị Lan				7-11, D				09/01/2023	30/04/2023			2020
177.14	14	1100009	*VMU2018-2022.14			0	Hà Thị Lý				7-11, D				09/01/2023	30/04/2023			2020
178.15	15	1100009	*VMU2018-2022.15			0	Ngân Thị Thương				7-11, D				09/01/2023	30/04/2023			2020
179.16	16	1100009	*VMU2018-2022.16			0	Vũ Thị Tươi			1-5, D					09/01/2023	30/04/2023			2020
180.17	17	1100009	*VMU2018-2022.17			0	Phạm Bích Ngọc				7-11, D				09/01/2023	30/04/2023			2020
181.18	18	1100009	*VMU2018-2022.18			0	Nguyễn Thanh Duyên			1-5, D					09/01/2023	30/04/2023			2020
182.19	19	1100009	*VMU2018-2022.19			0	Nguyễn Thu Hằng			1-5, D					09/01/2023	30/04/2023			2020
183.20	20	1100009	*VMU2018-2022.20			0	Nguyễn Phương Thảo					1-5, D			09/01/2023	30/04/2023			2020
184.21	21	1100009	*VMU2018-2022.21			0	Trần Tân Phương					1-5, D			09/01/2023	30/04/2023			2020
185.22	22	1100009	*VMU2018-2022.22			0	Ngân Thị Thương					1-5, D			09/01/2023	30/04/2023			2020
186.23	23	1100009	*VMU2018-2022.23			0	Nguyễn Thị Huyền					1-5, D			09/01/2023	30/04/2023			2020
187.24	24	1100009	*VMU2018-2022.24			0	Phạm Thị Thu Trang			1-5, D					09/01/2023	30/04/2023			2020
188.25	27	1100009	*VMU2018-2022.27			1	Trần Thị Thảo							13-17, D	09/01/2023	30/04/2023			2020
43		1100056	Thanh nhạc 3.2	VMU2006	1												TN		
189.1	01	1100056	VMU2006-2022.01			0	Đỗ Hương Giang	7-11, D		7-11, D					09/01/2023	30/04/2023			2020
190.2	02	1100056	VMU2006-2022.02			0	Trịnh Thị Oanh	7-11, D		7-11, D					09/01/2023	30/04/2023			2020
191.3	03	1100056	VMU2006-2022.03			0	Giáp Văn Thịnh		1-3, D				1-5, D		09/01/2023	30/04/2023			2020

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	St số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
192.4	04	1100056	VMU2006-2022.04			0	Trần Thị Thanh Quý			7-11, D		7-11, D			09/01/2023	30/04/2023			2020
193.5	05	1100056	VMU2006-2022.05			0	Nguyễn Mai Hương	7-11, D				1-5, D			09/01/2023	30/04/2023			2020
194.6	06	1100056	VMU2006-2022.06			0	Viên Thị Hường			1-5, D		1-5, D			09/01/2023	30/04/2023			2020
195.7	07	1100056	VMU2006-2022.07			0	Lê Minh Tuyền	7-11, D		1-5, D					09/01/2023	30/04/2023			2020
196.8	08	1100056	VMU2006-2022.08			0	Nguyễn Thị Nga	7-11, D				7-11, D			09/01/2023	30/04/2023			2020
197.9	09	1100056	VMU2006-2022.09			0	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	7-11, D				1-5, D			09/01/2023	30/04/2023			2020
198.10	10	1100056	VMU2006-2022.10			0	Đoàn Thúy Trang	7-11, D				7-11, D			09/01/2023	30/04/2023			2020
199.11	11	1100056	VMU2006-2022.11			0	Lê Thị Tình	7-11, D		7-11, D					09/01/2023	30/04/2023			2020
200.12	12	1100056	VMU2006-2022.12			0	Đặng Thị Loan			7-11, D		7-11, D			09/01/2023	30/04/2023			2020
201.13	13	1100056	VMU2006-2022.13			0	Chu Thị Hoài Phương			1-5, D			1-5, D		09/01/2023	30/04/2023			2020
202.14	14	1100056	VMU2006-2022.14			0	Đàm Minh Hưng			7-11, D		7-11, D			09/01/2023	30/04/2023			2020
203.15	15	1100056	VMU2006-2022.15			0	Ngô Quốc Khánh	7-11, D		4-6, D					09/01/2023	30/04/2023			2020
204.16	16	1100056	VMU2006-2022.16			0	Hoàng Quốc Tuấn	1-5, D			1-5, D				09/01/2023	30/04/2023			2020
205.17	17	1100056	VMU2006-2022.17			0	Nguyễn Chí Công	7-11, D			1-5, D				09/01/2023	30/04/2023			2020
206.18	18	1100056	VMU2006-2022.18			0	Hà Thị Lý	7-11, D			7-11, D				09/01/2023	30/04/2023			2020
44		1170052	Thiết kế sân khấu	GRD2044	2	30													
207.1	01	1170052	GRD2044-2022.01			30	Trần Thanh Nga			1-3, E604					09/01/2023	07/05/2023			2020
45		1020012	Thiết kế trên Manocanh	FAD2018	2	42													
208.1	01	1020012	FAD2018-2022.01			14	Lưu Ngọc Lan				7-11, E				09/01/2023	02/04/2023			2020
209.2	02	1020012	FAD2018-2022.02			14	Đỗ Thu Huyền				7-11, E				09/01/2023	02/04/2023			2020
210.3	03	1020012	FAD2018-2022.03			14	Vũ Mai Hiền				7-11, E				09/01/2023	02/04/2023			2020
46		1080196	Thiết kế và điều hành tour	CLM2120	3	50											DL		
211.1	01	1080196	CLM2120-2022.01			50	Lê Thị Thủy	7-9, E501							09/01/2023	14/05/2023			2020
47		1080241	Thực hành phát triển cộng đồng	CLM2220	2	30											CTXH		
212.1	01	1080241	CLM2220-2022.01			30	Nguyễn Thị Phương Thanh						7-11, E501		09/01/2023	14/05/2023			2020
48		1080209	Thực hành tổ chức hướng dẫn du lịch	CLM2133	3	50											DL		
213.1	01	1080209	CLM2133-2022.01			50	Nguyễn Thị Thùy Linh						1-5, E501		09/01/2023	14/05/2023			2020
49		1080216	Thực tập du lịch 1	CLM2139	2	50											DL		
214.1	01	1080216	CLM2139-2022.01			50	Nguyễn Thị Thùy Linh							7-11, TTDL	15/05/2023	13/08/2023			2020
50		1080047	Thực tập giữa khóa	CLM2048	3	45											6_QLVH_M5		
215.1	01	1080047	CLM2048-2022.01			45	Vũ Thị Thái Hoa							13-17, TTGK	12/06/2023	09/07/2023			2020
51		1190038	Thực tập nghề nghiệp 1	PIA2028	3	30											2019		
216.1	01	1190038	PIA2028-2022.01			30	Nghiêm Thị Hà Ngân							1-5, TTNN	10/04/2023	30/04/2023			2020
52		1100054	Thực tập nghề nghiệp 1	VMU2014	6	50											6_TN_M5		
217.1	01	1100054	VMU2014-2022.01			50	Đỗ Hương Giang							1-5, TTNN					2020
53		1170043	Thực tế chuyên môn 2	GRD2038	2	220											6_TKDH_M5		
218.1	01	1170043	GRD2038-2022.01			55	Nguyễn Quang Huy							7-11, Lop A	12/06/2023	02/07/2023			2020
219.2	02	1170043	GRD2038-2022.02			55	Lê Huy Thực							7-11, Lop B	12/06/2023	02/07/2023			2020
220.3	03	1170043	GRD2038-2022.03			55	Nguyễn Đức Lân							7-11, Lop C	12/06/2023	02/07/2023			2020
221.4	04	1170043	GRD2038-2022.04			55	Nguyễn Hữu Dũng							7-11, Lop D	12/06/2023	02/07/2023			2020
54		1060065	Thực tế chuyên môn 3	FAE2013	2	50											FAE2013		
222.1	02	1060065	FAE2013-2022.02			50	Lê Thị Kim Liên							1-5, TTCM	12/06/2023	25/06/2023			2020
55		1060061	Thực tế CM 3	FAE2043	3	20											FAE2042		
223.1	01	1060061	FAE2043-2022.01			20	Lê Thị Kim Liên							1-5, TTCM	12/06/2023	25/06/2023			2020
56		1040009	Tiếng Anh chuyên ngành (TKTT)	CFL2006	2	35											3* TKTT		
224.1	01	1040009	CFL2006-2022.01			35				10-12, E507					09/01/2023	02/04/2023			2020
57		1040017	Tiếng Việt thực hành	CFL2008	2	60											1* CFL2008_2015		
225.1	06	1040017	CFL2008-2022.06			60			4-6, E301						09/01/2023	02/04/2023			2020

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	St số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
58		1080002	Tin học chuyên ngành	CLM2005	2	45											6_QLVH_M1		
226.1	01	1080002	CLM2005-2022.01			45	Lương Minh Tân			4-6, E401					09/01/2023	14/05/2023			2020
59		1170059	Tin học chuyên ngành 3	GRD2051	3	180											2017		
227.1	01	1170059	GRD2051-2022.01			15	Nguyễn Duy Hùng		1-5, E406						09/01/2023	07/05/2023			2020
228.2	02	1170059	GRD2051-2022.02			15	Tổng Việt Anh		1-5, E406						09/01/2023	07/05/2023			2020
229.3	03	1170059	GRD2051-2022.03			15	Nguyễn Xuân Giáp		1-5, E406						09/01/2023	07/05/2023			2020
230.4	04	1170059	GRD2051-2022.04			15	Lê Huy Thực		7-11, E406						09/01/2023	07/05/2023			2020
231.5	05	1170059	GRD2051-2022.05			15	Nguyễn Duy Hùng		7-11, E406						09/01/2023	07/05/2023			2020
232.6	06	1170059	GRD2051-2022.06			15	Tổng Việt Anh		7-11, E406						09/01/2023	07/05/2023			2020
233.7	07	1170059	GRD2051-2022.07			15	Nguyễn Duy Hùng					1-5, E406			09/01/2023	07/05/2023			2020
234.8	08	1170059	GRD2051-2022.08			15	Tổng Việt Anh					1-5, E406			09/01/2023	07/05/2023			2020
235.9	09	1170059	GRD2051-2022.09			15	Nguyễn Xuân Giáp					1-5, E406			09/01/2023	07/05/2023			2020
236.10	10	1170059	GRD2051-2022.10			15	Lê Huy Thực					7-11, E406			09/01/2023	07/05/2023			2020
237.11	11	1170059	GRD2051-2022.11			15	Nguyễn Duy Hùng					7-11, E406			09/01/2023	07/05/2023			2020
238.12	12	1170059	GRD2051-2022.12			15	Tổng Việt Anh					7-11, E406			09/01/2023	07/05/2023			2020
60		1040002	Tin học cơ bản	INF2001	2	200											1* 1_m.chung_M1		
239.1	03	1040002	INF2001-2022.03			25	Vũ Việt Hoàng	1-3, E401							09/01/2023	07/05/2023			2020
240.2	04	1040002	INF2001-2022.04			25	Vũ Việt Hoàng	4-6, E401							09/01/2023	07/05/2023			2020
241.3	05	1040002	INF2001-2022.05			25	Vũ Việt Hoàng		1-3, E401						09/01/2023	07/05/2023			2020
242.4	06	1040002	INF2001-2022.06			25	Vũ Việt Hoàng		4-6, E401						09/01/2023	07/05/2023			2020
243.5	07	1040002	INF2001-2022.07			25	Vũ Việt Hoàng						1-3, E401		09/01/2023	07/05/2023			2020
244.6	08	1040002	INF2001-2022.08			25	Vũ Việt Hoàng						4-6, E401		09/01/2023	07/05/2023			2020
245.7	09	1040002	INF2001-2022.09			25	Vũ Việt Hoàng						7-9, E401		09/01/2023	07/05/2023			2020
246.8	10	1040002	INF2001-2022.10			25	Vũ Việt Hoàng						10-12, E401		09/01/2023	07/05/2023			2020
61		1080236	Tổ chức và phát triển cộng đồng	CLM2215	3	30											CTXH		
247.1	01	1080236	CLM2215-2022.01			30	Nguyễn Thị Thu Hiếu						4-6, E502		09/01/2023	07/05/2023			2020
62		1200035	Tổ chức và quản lý sản xuất may công nghiệp	DGI2035	2	20													
248.1	01	1200035	DGI2035-2022.01			20	Nguyễn Kiều Oanh					1-5, E			09/01/2023	16/04/2023			2020
63		1070056	Trải nghiệm các hoạt động âm nhạc	MUS2084	2	245											2019		
249.1	01	1070056	MUS2084-2022.01			35	Trần Vĩnh Khương	1-5, D1							09/01/2023	07/05/2023			2020
250.2	02	1070056	MUS2084-2022.02			35	Đoàn Thị Thu Hà	7-11, D1							09/01/2023	07/05/2023			2020
251.3	03	1070056	MUS2084-2022.03			35	Trần Vĩnh Khương		1-5, D1						09/01/2023	07/05/2023			2020
252.4	04	1070056	MUS2084-2022.04			35	Đoàn Thị Thu Hà		7-11, D1						09/01/2023	07/05/2023			2020
253.5	05	1070056	MUS2084-2022.05			35	Trần Vĩnh Khương			1-5, D1					09/01/2023	07/05/2023			2020
254.6	06	1070056	MUS2084-2022.06			35	Trần Vĩnh Khương			7-11, D405					09/01/2023	07/05/2023			2020
255.7	07	1070056	MUS2084-2022.07			35	Nguyễn Thị Lệ Huyền				1-5, D1				09/01/2023	07/05/2023			2020
64		1080207	Xây dựng dự án văn hóa, nghệ thuật trong du lịch	CLM2131	3	50											DL		
256.1	01	1080207	CLM2131-2022.01			50	Hoàng Công Dụng		1-3, E503						09/01/2023	14/05/2023			2020

Người lập

